TOPICA UNI
CỬ NHÂN TRỰC TUYẾN, UY TÍN QUỐC TẾ

BÀI 12
KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH VÀ PHÂN PHỐI KẾT QUẢ KINH DOANH

ThS. Thiều Kim Cường
Giảng viên trường Đại học Thủy Lợi

MỤC TIÊU BÀI HỌC

TOPICA UNI
CỬ NHÂN TRỰC TUYẾN, UY TÍN QUỐC TẾ

01 Chỉ ra được các yếu tố cấu thành kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

02 Xác định được phương pháp kế toán để tập hợp và xác định kết quả kinh doanh.

03 Nhận biết được phương pháp và quy trình để phân phối lợi nhuận.

CẤU TRÚC NỘI DUNG

TOPICA UNI
CỬ NHÂN TRỰC TUYẾN, UY TÍN QUỐC TẾ

12.1. KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

12.2. KẾ TOÁN PHÂN PHỐI KẾT QUẢ KINH DOANH

12.1. KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

TOPICA UNI
CỬ NHÂN TRỰC TUYẾN, UY TÍN QUỐC TẾ

12.1.1. Phân loại các hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp

12.1.2. Kế toán xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

12.1.3. Kế toán xác định kết quả hoạt động đầu tư tài chính

12.1.4. Kế toán xác định kết quả hoạt động khác

12.1.5. Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

12.1.6. Kế toán thuế thu nhập hoãn lại

12.1.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

12.1.1. PHÂN LOẠI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

TOPICA UNI
CỬ NHÂN TRỰC TUYẾN, UY TÍN QUỐC TẾ

Kết quả hoạt động kinh doanh

- **Hoạt động sản xuất kinh doanh**
- **Hoạt động đầu tư tài chính**
- **Hoạt động khác**

Là số chênh lệch giữa số thu khác và số chi khác.

12.1.1. PHÂN LOẠI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP (Tiếp)

TOPICA UNI
CỬ NHÂN TRỰC TUYẾN, UY TÍN QUỐC TẾ

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp = Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh + Kết quả hoạt động đầu tư tài chính + Kết quả hoạt động khác – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh = Doanh thu thuần – Giá vốn Hàng bán – Chi phí bán hàng – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Kết quả hoạt động đầu tư tài chính = Doanh thu thuần từ hoạt động đầu tư tài chính – Chi phí hoạt động đầu tư tài chính

Kết quả hoạt động kinh doanh = Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh + Kết quả hoạt động đầu tư tài chính

Kết quả hoạt động khác = Thu nhập khác – Chi phí khác

12.1.1. PHÂN LOẠI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP (Tiếp)

TOPICA UNI
CỬ NHÂN TRỰC TUYẾN, UY TÍN QUỐC TẾ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay
1	2	3	4
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	3055
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 − 02)	10	VI.27	1827
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 − 11)	20		1228
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	1447
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		633
8. Chi phí bán hàng	25		82
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		239
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 − 22) − (25 + 26)}	30		1748
11. Thu nhập khác	31		329
12. Chi phí khác	32		305
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 − 32)	40		24
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1775
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.31	
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.32	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 − 51 − 52)	60		
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		

12.1.2. KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

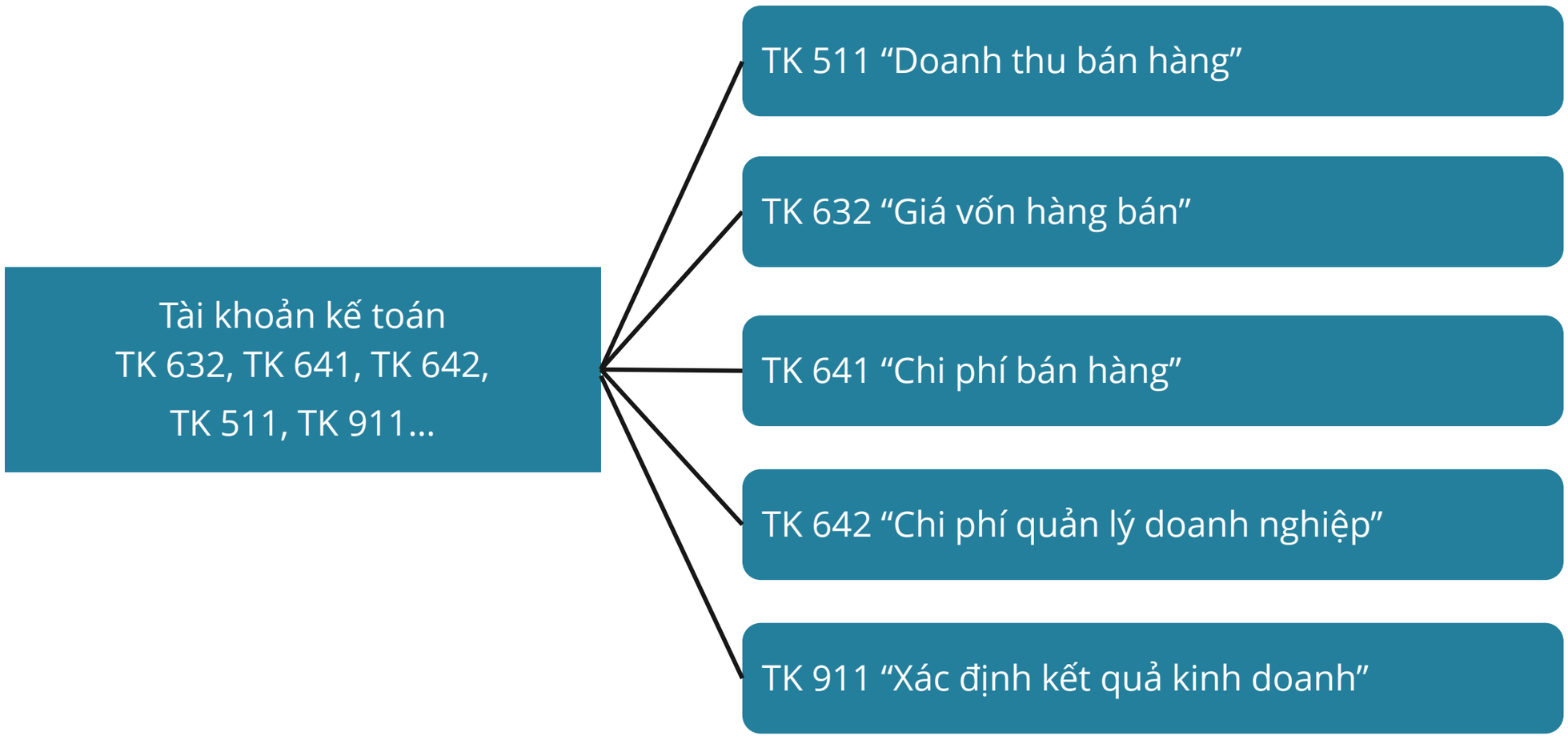

12.1.2. KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

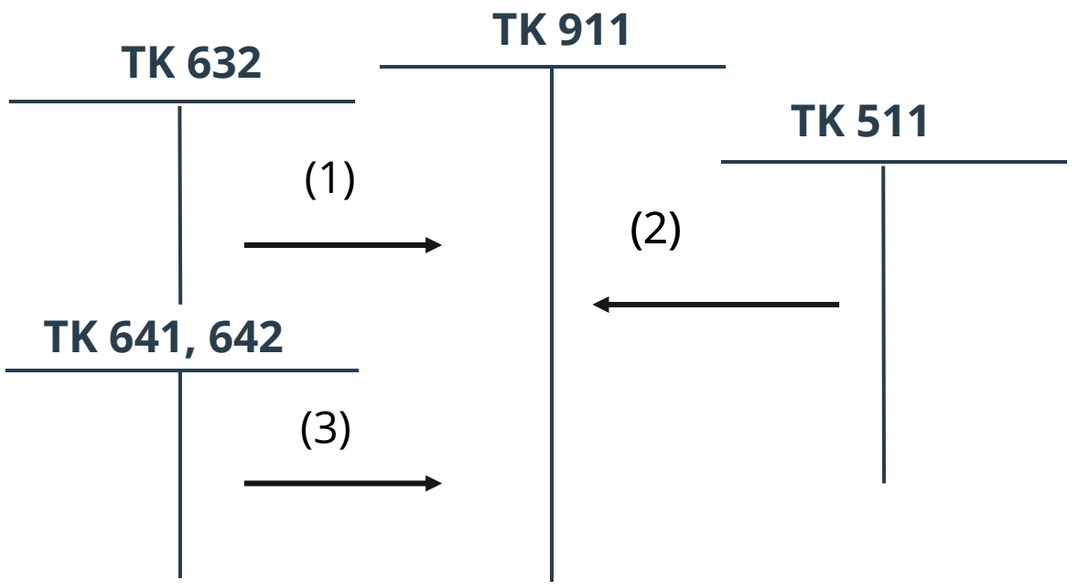

(1) Cuối kỳ, kế toán thực hiện kết chuyển giá vốn hàng đã bán trong kỳ.

(2) Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần trong kỳ.

(3) Kết chuyển chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

12.1.3. KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

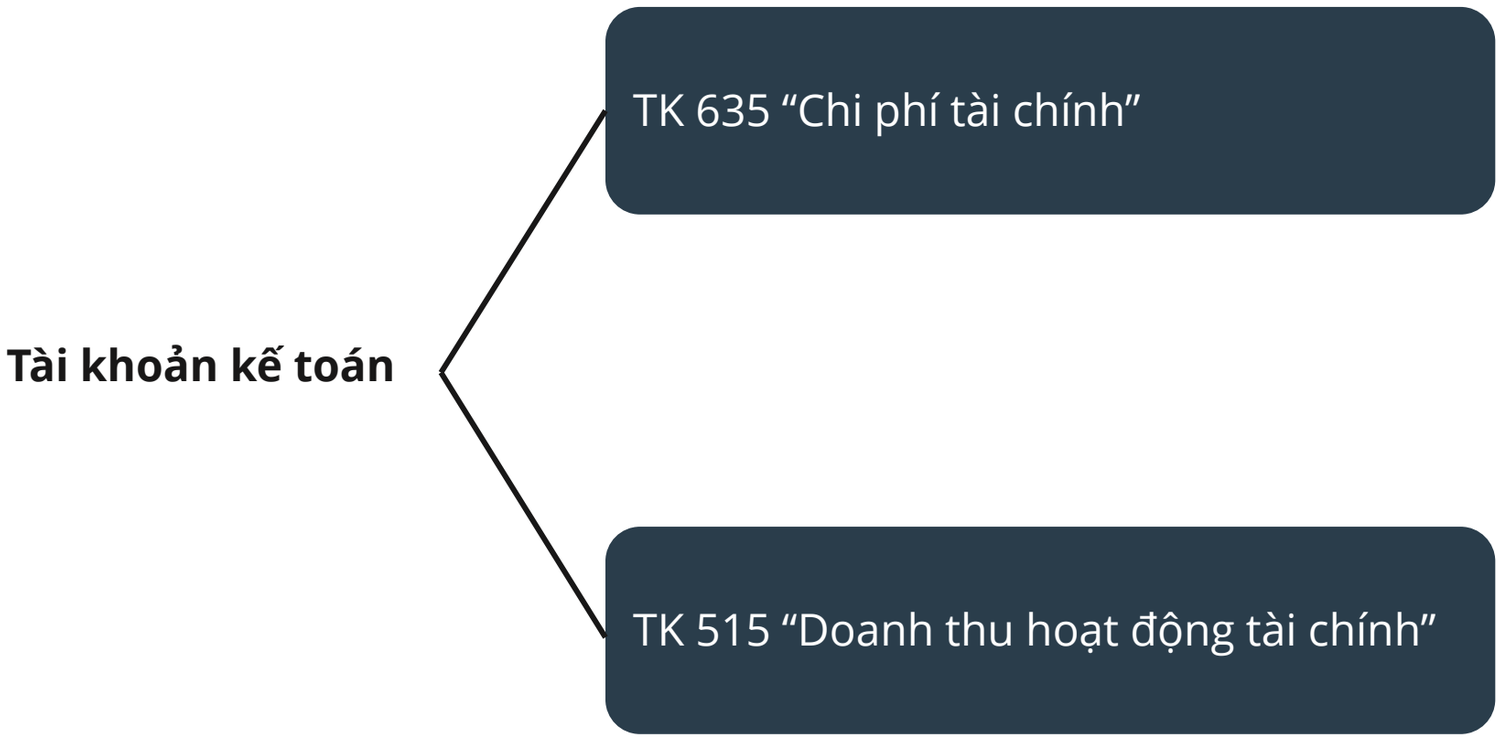

12.1.3. KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Trình tự ghi sổ một số nghiệp vụ kế toán chủ yếu

(1) Tập hợp chi phí thuộc hoạt động tài chính.

(2) Hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư không dùng đến.

(3) Số thuế GTGT phải nộp về hoạt động tài chính trong kỳ (với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp).

(4) Phản ánh các khoản doanh thu hoạt động tài chính.

(5) Các khoản giảm giá hàng bán và doanh thu hàng bán bị trả lại thuộc hoạt động tài chính.

(6) Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính trừ vào kết quả cuối kỳ.

(7) Kết chuyển doanh thu thuần về hoạt động tài chính.

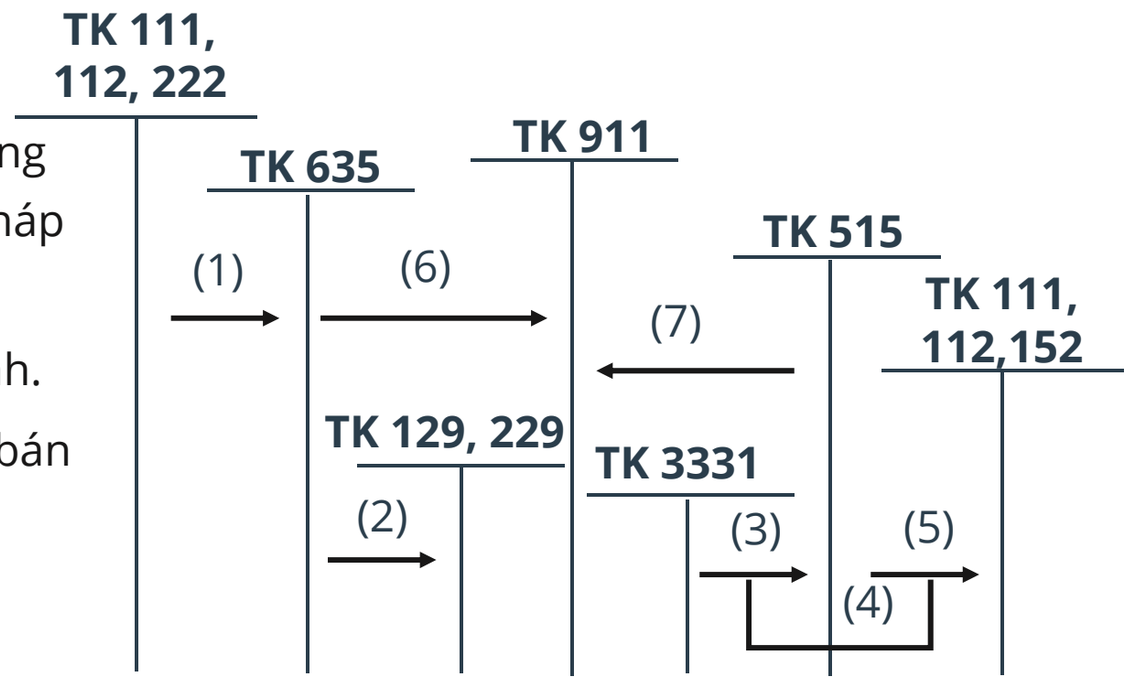

12.1.3. KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

TOPICA UNI
CỬ NHÂN TRỰC TUYẾN, UY TÍN QUỐC TẾ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay
1	2	3	4
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	3055
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 – 02)	10	VI.27	1827
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 – 11)	20		1228
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	1447
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		633
8. Chi phí bán hàng	25		82
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		239
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 – 22) – (25 + 26)}	30		1748
11. Thu nhập khác	31		329
12. Chi phí khác	32		305
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 – 32)	40		24
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1775
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.31	
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.32	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 – 51 – 52)	60		
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		

12.1.4. KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHÁC

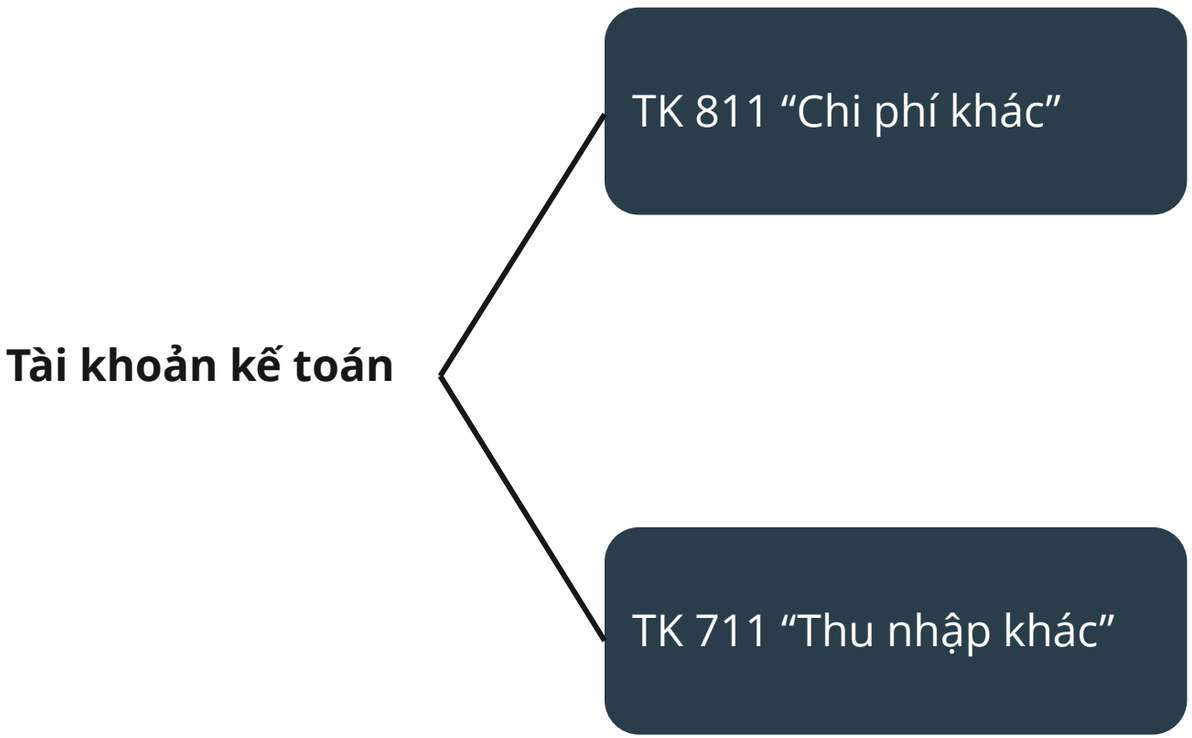

12.1.4. KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHÁC

TOPICA UNI
CỬ NHÂN TRỰC TUYẾN, UY TÍN QUỐC TẾ

Trình tự ghi sổ một số nghiệp vụ kế toán chủ yếu

- Phản ánh các khoản chi phí khác
  - Các chi phí phát sinh trong quá trình thanh lý, nhượng bán tài sản cố định;
  - Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán;
  - Các khoản tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt, truy thu nộp thuế;
  - Các chi phí khác: tổn thất do rủi ro...;
  - Cuối kỳ, kết chuyển chi phí khác xác định kết quả kinh doanh.
- Phản ánh các khoản thu nhập khác
  - Phản ánh số thu về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định;
  - Phản ánh các khoản tiền thu được phạt, được bồi thường;
  - Thu nhập khác: tiền thưởng, các khoản thu nhập bỏ quên sót năm trước...;
  - Cuối kỳ, kết chuyển thu nhập khác để XĐ kết quả kinh doanh.

12.1.5. KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

TOPICA UNI
CỬ NHÂN TRỰC TUYẾN, UY TÍN QUỐC TẾ

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Định nghĩa: Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Trong đó:

Tổng thu nhập chịu thuế trong kỳ = Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế - Chi phí hợp lý kỳ tính thuế + thu nhập chịu thuế khác

Tài khoản kế toán: TK 8211 "Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành"

Một số nghiệp vụ kế toán:

(1) Khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp.

(2) Cuối năm tài chính, điều chính số thuế thực tế phải nộp với số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp.

(3) Khi phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước, doanh nghiệp được hạch toán tăng hoặc giảm số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm phát hiện sai sót.

(4) Cuối kỳ, kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

12.1.5. KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Phương pháp kế toán

- Hàng quý, kế toán căn cứ vào tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp để ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

  Nợ TK 8211

  Có TK 3334

- Khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp vào ngân sách, kế toán ghi

  Nợ TK 3334

  Có TK 111,112

- Cuối năm tài chính, căn cứ vào số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp theo tờ khai quyết toán thuế hoặc số thuế do cơ quan thuế thông báo phải nộp:
  - Nếu số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp trong năm < số đã tạm nộp, ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (và ngược lại).

    Nợ TK 3334

    Có TK 8211

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành vào TK 911
  - Nếu TK 8211 số phát sinh Nợ > phát sinh Có thì phần chênh lệch ghi (và ngược lại)

    Nợ TK 911

    Có TK 8211

12.1.6. KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

TOPICA UNI
CỬ NHÂN TRỰC TUYẾN, UY TÍN QUỐC TẾ

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh do sự khác biệt về cách tính thuế giữa doanh nghiệp (theo chế độ kế toán) và cơ quan thuế.

- Nếu chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp < thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp -> tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại;
- Nếu chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp > thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp -> thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả.

Sự chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp là chênh lệch tạm thời (khác chênh lệch vĩnh viễn).

Định nghĩa: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

12.1.6. KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI (Tiếp)

TOPICA UNI
CỬ NHÂN TRỰC TUYẾN, UY TÍN QUỐC TẾ

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài khoản sử dụng: TK 8212: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Bên Nợ	Bên Có
• Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả; • Số hoàn nhập tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại đã ghi nhận từ các năm trước; • Kết chuyển chênh lệch giữa bên Có TK 8212 > bên Nợ TK 8212 phát sinh trong kỳ vào TK 911.	• Ghi giảm chi phí Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại; • Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.
Kết chuyển chênh lệch giữa phát sinh bên Có TK 8212< bên Nợ TK 8212 vào TK 911.	

12.1.6. KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI (Tiếp)

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài khoản sử dụng: TK 243: Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Bên Nợ	Bên Có
Giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại tăng.	Giá trị tài sản Thuế thu nhập hoãn lại giảm/
Dư Nợ: Giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại còn lãi cuối kỳ.	

TK 347: Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Bên Nợ	Bên Có
Thuế thu nhập hoãn lãi phải trả giảm (được hoàn nhập) trong kỳ.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận trong kỳ.
Dư Có: Thuế thu nhập hoãn lãi phải trả còn lại cuối kỳ.	

12.1.6. KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI (Tiếp)

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài khoản sử dụng: TK 347 " Thuế thu nhập hoãn lại phải trả"

- Tính trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành;
- Cơ sở tính thuế thu nhập của một tài sản hay nợ phải trả.

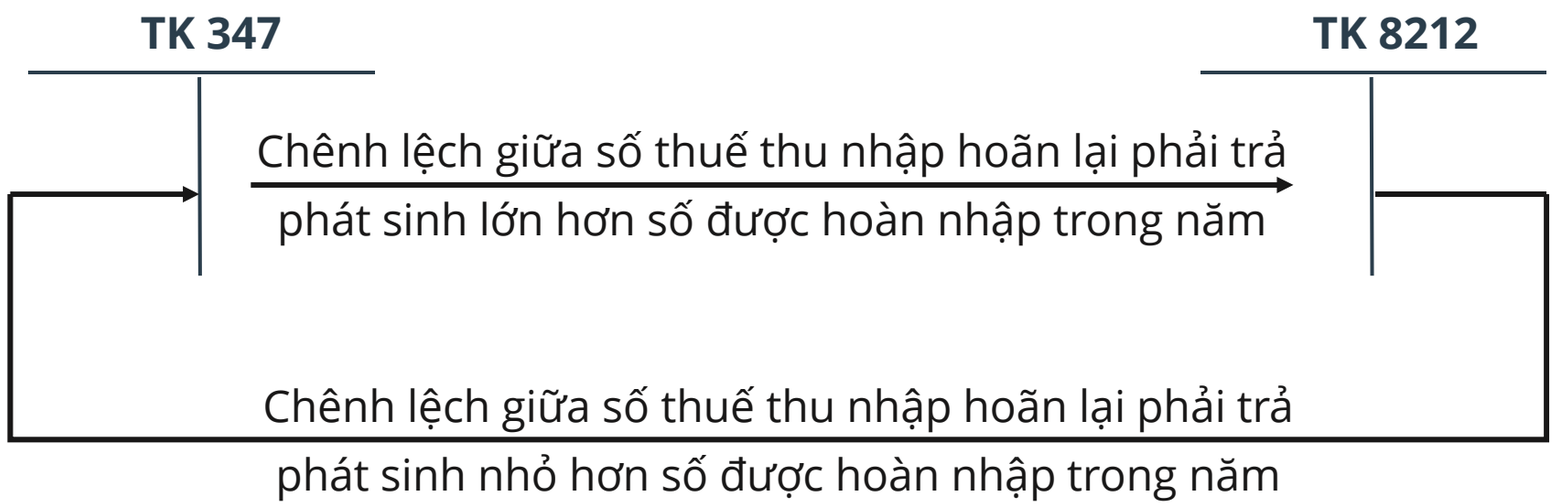

12.1.6. KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI (Tiếp)

TOPICA UNI
CỬ NHÂN TRỰC TUYẾN, UY TÍN QUỐC TẾ

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài khoản sử dụng: Tài khoản 243

Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoàn lại trong tương lai tính trên các khoản: Chênh lệch tạm thời được khấu trừ, Giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng, Giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng.

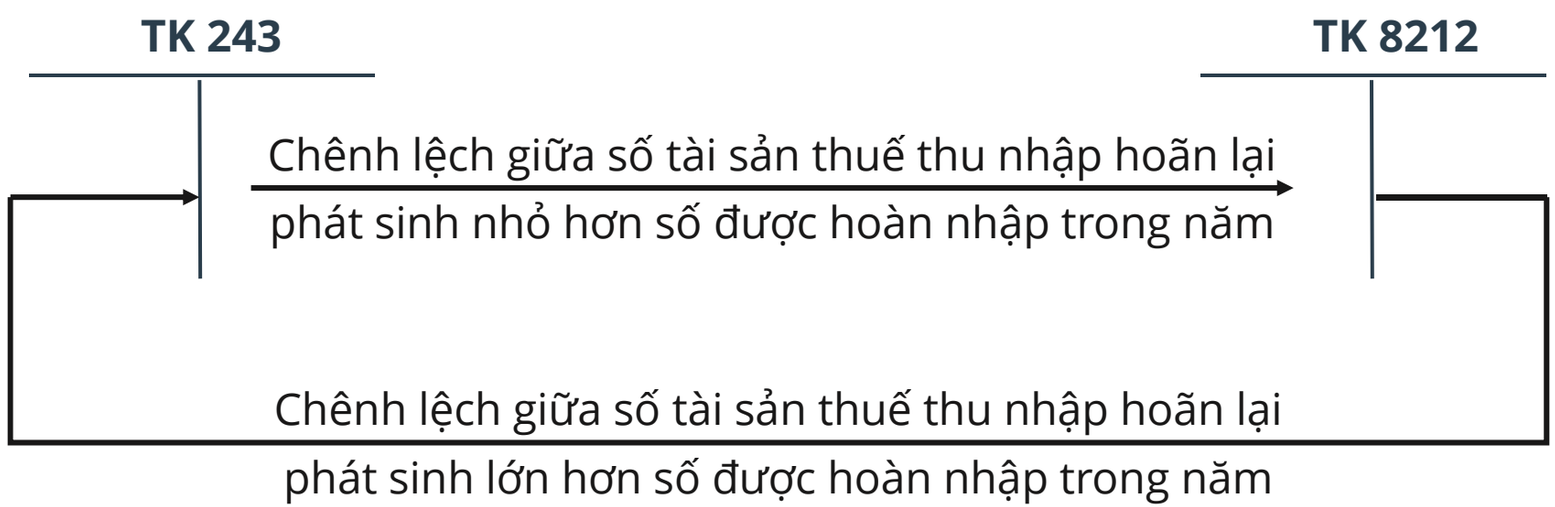

12.1.7. KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

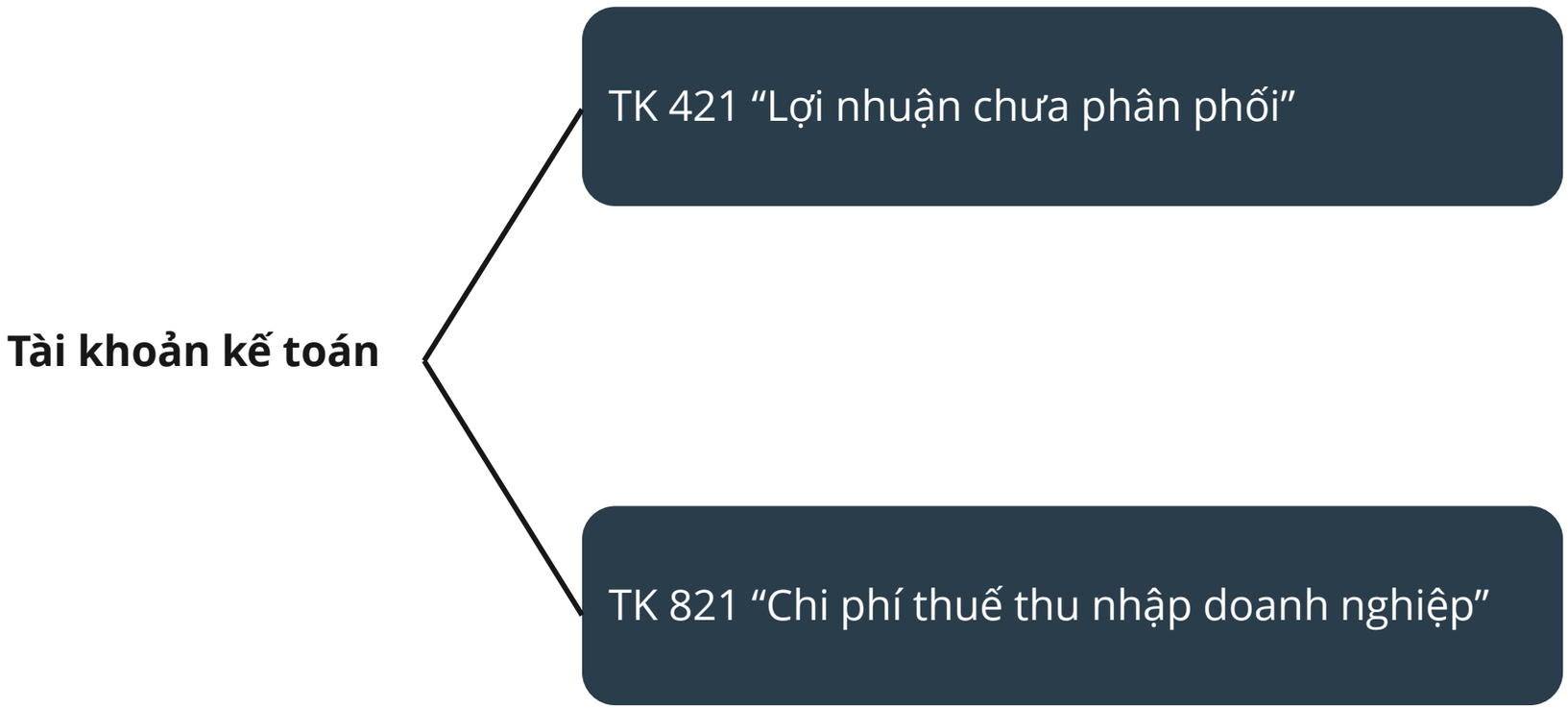

12.1.7. KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

Trình tự ghi sổ một số nghiệp vụ kế toán chủ yếu

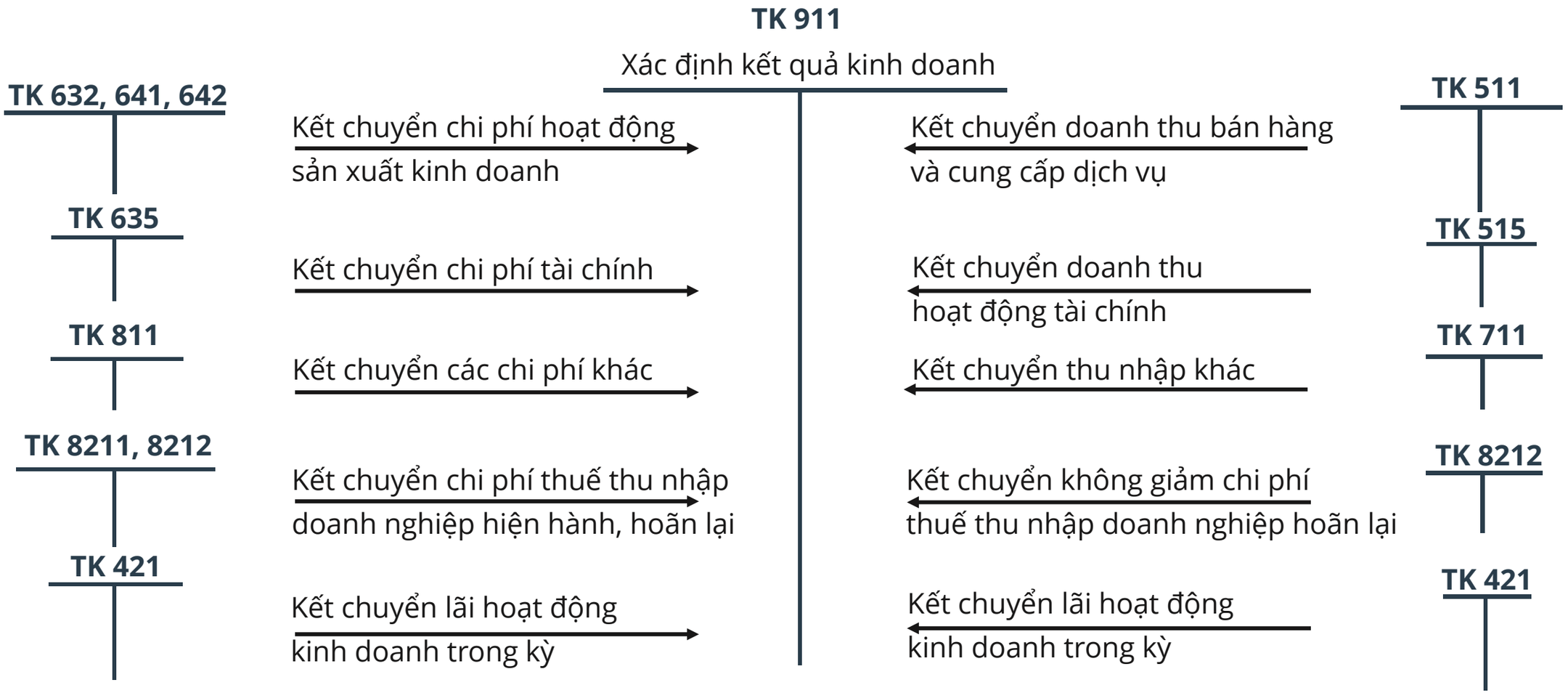

12.2. KẾ TOÁN PHÂN PHỐI KẾT QUẢ KINH DOANH

TOPICA UNI
CỬ NHÂN TRỰC TUYẾN, UY TÍN QUỐC TẾ

12.2.1. Quy định về phân phối lợi nhuận

12.2.2. Phân phối lợi nhuận sau thuế

12.2.1. QUY ĐỊNH VỀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

- Lợi nhuận thực hiện của công ty được dùng để bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp;
- Phần lợi nhuận còn lại được phân phối như sau
  - Chia lãi cho các thành viên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng (nếu có);
  - Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế;
  - Sau khi trừ các khoản trên, lợi nhuận còn lại được phân phối theo thứ tự sau
    - Trích quỹ đặc thù theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ (nếu có);
    - Trích tối đã 30% vào quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp;
    - Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động;
    - Trích quỹ thưởng cho người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên;
    - Nộp về ngân sách Nhà nước.

12.2.2. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN SAU THUẾ

Tài khoản kế toán:

- **TK 421 "Lợi nhuận chưa phân phối"**
- **TK 4211: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước**
- **TK 4212: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay**

Một số nghiệp vụ kế toán:

(1) Định kỳ, phản ánh số lợi nhuận sau thuế tạm phân chia cho các đối tượng.

(2) Cuối năm, so sánh số lợi nhuận sau thuế phải chia cho các lĩnh vực với số đã tạm chia rồi hạch toán.

(3) Sang đầu năm, tiến hành kết chuyển số lợi nhuận chưa phân phối năm nay thành lợi nhuận chưa phân phối năm trước.

12.2.2. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN SAU THUẾ

Phương pháp kế toán

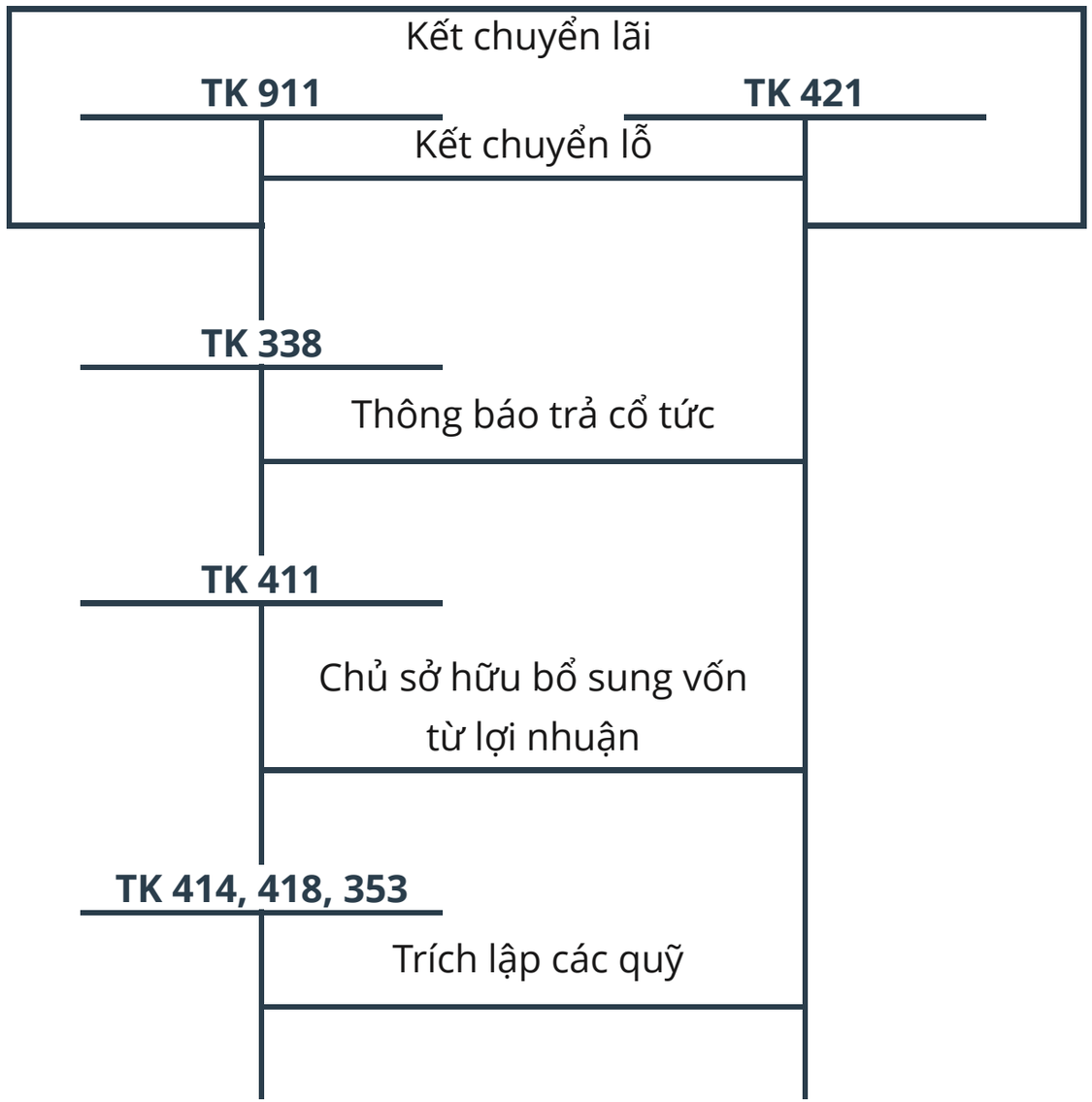

TỔNG KẾT NỘI DUNG BÀI HỌC

TOPICA UNI
CỬ NHÂN TRỰC TUYẾN, UY TÍN QUỐC TẾ

Cách xác định kết quả kinh doanh và phân phối lợi nhuận doanh nghiệp từ:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Hoạt động đầu tư tài chính;
- Hoạt động khác.